

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

2. Ngày tháng năm sinh: 11/12/1974; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Điện Phước, Điện Bàn, Quảng Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 225/15 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 225/15 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0908601801;

E-mail: khangnttm@uit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,1996 đến tháng, năm 01,2012: Giảng Viên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 02,2012 đến tháng, năm 06,2022: Giảng Viên Chính tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 07,2017 đến tháng, năm 06,2022: Phó Hiệu Trưởng tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Phó Hiệu Trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu Trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: KM 20, xa lộ Hà Nội, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028) 372 519

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 17 tháng 08 năm 1996, số văn bằng: A1D2333, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, TP. HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 17 tháng 04 năm 2021, số văn bằng: 18733, ngành: Khoa Học, chuyên ngành: Khoa Học; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 03 tháng 06 năm 2014, số văn bằng: QS: 06155/33KH2/2013, ngành: Công Nghệ Thông Tin, chuyên ngành: Công Nghệ Thông Tin; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Có 02 hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Sắp xếp thời khóa biểu
2. Thị giác máy tính

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Cơ sở; 1 cấp Khác;
- Đã công bố (số lượng) 44 bài báo khoa học, trong đó 4 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

Không có

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt thời gian công tác, tôi luôn hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu theo quy định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 25 năm 9 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017					210		210/298.3/70
2	2017-2018				1	159	23	182/360.31/64
3	2018-2019				2	47		47/108.97/64
03 năm học cuối								
4	2019-2020			1	1	212		212/473.22/64
5	2020-2021			2		166.5		166.5/336.62/64

6	2021-2022					55		55/105/70
---	-----------	--	--	--	--	----	--	-----------

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ): Trình độ C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Thành Hiệp		X	X		09/2019 đến 01/2020	Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHGQ- HCM	04/11/2020
2	Dương Phi Long		X	X		08/2020 đến 05/2021	Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHGQ- HCM	19/05/2021
3	Lương Văn Song		X	X		03/2021 đến 12/2021	Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHGQ- HCM	07/12/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Đánh giá các phương pháp dò tìm đối tượng hiện đại nhất cho việc hiểu ảnh tài liệu	CN	D2-2017-02, cấp Cơ sở	22/12/2017 đến 05/10/2018	05/10/2018/Khá
2	Phân tích nội dung ảnh sử dụng mạng học sâu	CN	C2018-26-03, cấp Khác	16/04/2018 đến 08/12/2020	08/12/2020/Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Automating a Real-World University Timetabling Problem with Tabu Search Algorithm	4	Có	2010 IEEE RIVF International Conference on Computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (RIVF)			1-6	11/2010
2	Simulated Annealing-Based Algorithm for a Real-World High School Timetabling Problem	5	Có	2010 Second International Conference on Knowledge and Systems Engineering			125-130	11/2010
3	Automated Systems for Educational Timetabling Problems	3	Có	Journal of Technical Education Science			1-10	06/2011

4	The Bees Algorithm for a Practical University Timetabling Problem in Vietnam	3	Có	2011 IEEE International Conference on Computer Science and Automation Engineering			4 42-47	06/2011
5	Variable Neighborhood Search for a Real-World Curriculum-based University Timetabling Problem	5	Có	2011 Third International Conference on Knowledge and Systems Engineering			157-162	11/2011
6	A hybrid algorithm of harmony search and bees algorithm for a university course timetabling problem	3	Có	International Journal of Computer Science Issues (IJCSI)			9, 1, 12-17	01/2012
7	Re-Ranking for Person Re-Identification	5	Không	2013 International Conference on Soft Computing and Pattern Recognition (SoCPaR)			304-308	03/2015

8	Khảo sát các thuật giải Tabu search cho bài toán xếp thời khoá biểu Đại Học	3	Có	Tạp chí Đại Học Sài Gòn			44-53	07/2015
9	Memetic algorithm for a University Course Timetabling Problem	4	Có	Informatics in Control, Automation and Robotics			67-71	01/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
10	Empirical Evaluation Of State-Of-The-Art Object Detection Methods For Document Image Understanding	4	Không	Hội nghị Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR)			180-184	08/2017
11	Ensemble of Deep Object Detectors for Page Object Detection	4	Không	In Proceedings of the 12th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM '18)	- Scopus		1-6	01/2018

12	You always look again: Learning to detect the unseen objects.	5	Không	Journal of Visual Communication and Image Representation	- SCIE IF: 2.259		60 206-216	04/2019
13	Phát hiện xe hai-ba bánh theo thời gian thực sử dụng phương pháp học sâu YOLOv3	3	Không	Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông			234-239	06/2019
14	Phát hiện đối tượng từ không ảnh sử dụng phương pháp Faster R-CNN	4	Không	Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông			227-233	06/2019
15	SSD For Object Detection In Aerial Videos	4	Không	Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông			286-292	06/2019
16	YADA: You Always Dream Again for Better Object Detection	5	Không	Multimedia Tools and Applications	- SCIE IF: 2.101		78 28189-28208	07/2019

17	Deep feature extractors for tiny object detection in aerial images	4	Không	Hội thảo khoa học quốc gia về công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực (CITA2019)			1-8	09/2019
18	Phát hiện phương tiện giao thông trong không ảnh	4	Không	Hội thảo khoa học quốc gia về công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực (CITA2019)			182-189	09/2019
19	Detecting Objects from Space: An Evaluation of Deep Learning Modern Approaches	6	Có	Electronics	Uy tín - SCIE IF: 2.408, Q2		9, 4, 583	03/2020
20	Data Augmentation Analysis in Vehicle Detection from Aerial Videos	6	Không	2020 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF)	- Scopus		1-3	07/2020
21	Phát hiện bảng trong tài liệu dạng ảnh sử dụng phương pháp định vị góc CornerNet	5	Không	Hội nghị khoa học quốc gia về "Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin" (Hội nghị FAIR)			461-468	10/2020

22	The Effects of Super-Resolution on Object Detection Performance in an Aerial Image	3	Không	2020 7th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		256-260	11/2020
23	Vehicle Detection at Night Time	4	Không	2020 7th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		250-255	11/2020
24	Phát hiện phương tiện giao thông tại các trung tâm thành phố lớn với phương pháp YOLOv4	4	Không	Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông			344-349	11/2020
25	Thử nghiệm đánh giá một số phương pháp phát hiện đối tượng trong điều kiện trời mưa	4	Không	Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông			441-446	11/2020
26	Phân Loại Phương Tiện Giao Thông Việt Nam Trong Không Ảnh	3	Có	Journal of Science and Technology on Information and Communications			32-39	10/2021

27	Parsing Digitized Vietnamese Paper Documents	5	Không	International Conference on Computer Analysis of Images and Patterns	- Scopus		382-392	10/2020
28	Khai Phá Hàm Chi Phí Cho Phát Hiện Phương Tiện Giao Thông Trong Không Ảnh	4	Không	Hội nghị khoa học quốc gia về "Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin" (Hội nghị FAIR)			128- 135	10/2021
29	Thử Nghiệm Hệ Thống Nhận Diện Khuôn Mặt Trên Video Được Stream Từ Drone	3	Không	Hội nghị khoa học quốc gia về "Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin" (Hội nghị FAIR)			575- 580	11/2021
30	MCOCR Challenge 2021: A Deep Learning Approach for Vietnamese Receipts OCR	4	Không	2021 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF)	- Scopus		1-6	12/2021

31	Phát Hiện Phương Tiện Giao Thông Ở Môi Trường Đô Thị Việt Nam Trong Ảnh Chụp Từ Drone	5	Không	Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam (REV) tổ chức “Hội thảo Quốc gia lần thứ XXV về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin”			323-328	12/2021
32	Phát hiện phương tiện giao thông trong không ảnh với nhiều tình huống khác nhau	4	Không	Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam (REV) tổ chức “Hội thảo Quốc gia lần thứ XXV về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin”			350- 355	12/2021
33	Một hàm lỗi cho phát hiện bất thường trên video giám sát	5	Không	Hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam (REV) tổ chức “Hội thảo Quốc gia lần thứ XXV về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin”			142- 147	12/2021
34	Page Object Detection with YOLOF	6	Không	2021 8th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		205- 210	12/2021

35	Guided Anchoring Cascade R-CNN: An Intensive Improvement of R-CNN in Vietnamese Document Detection	6	Không	2021 8th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		188-193	12/2021
36	An Augmented Embedding Spaces Approach for Text-Based Image Captioning	4	Không	2021 8th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		172-176	12/2021
37	UIT-Anomaly: A Modern Vietnam Video Dataset for Anomaly Detection	4	Không	2021 8th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		352-357	12/2021
38	UIT-DroneFog: Toward High-Performance Object Detection via High-Quality Aerial Foggy Dataset	4	Không	2021 8th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		290-295	12/2021

39	VNAnomaly: A Novel Vietnam Surveillance Video Dataset for Anomaly Detection	5	Không	2021 8th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS)	- Scopus		266-271	12/2021
40	EAES: Effective Augmented Embedding Spaces for Text-based Image Captioning	4	Có	IEEE Access	Uy tín - SCIE IF: 3.367, Q1		10 32443- 32452	03/2022
41	An object detection method for aerial hazy images	4	Không	Can Tho University Journal of Science			14, 1, 91-98	03/2022
42	CDeRSNet: Towards High Performance Object Detection in Vietnamese Documents Images	5	Không	International Conference on Multimedia Modeling	- Scopus		431- 442	03/2022
43	A Benchmark of Parsing Vietnamese Publications	6	Có	IEEE Access	Uy tín - SCIE IF: 3.367, Q1		65284 - 65299	06/2022

44	Anomaly Analysis in Images and Videos: A Comprehensive Review	5	Có	ACM Computing Surveys (CSUR)	Uy tín - SCIE <i>IF</i> : 10.282, Q1		06/2022
----	---	---	----	------------------------------	--------------------------------------	--	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([19] [40] [43] [44])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng

quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Việt Nam, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)